

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2021

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-XHNV-SĐH ngày 28 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn ban hành “Quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2021 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2021 như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

Số TT	Các ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu	Các môn thi tuyển trình độ Thạc sĩ			Hình thức thi tuyển	Ghi chú
			Ngoại ngữ (NN)	Cơ bản (CB)	Cơ sở (CS)		
1.	Báo chí học	25	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	Tác phẩm và thể loại báo chí	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
2.	Châu Á học	20		Lịch sử văn minh phương Đông	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
3.	Chính trị học	10		Triết học	Lịch sử tư tưởng chính trị	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
4.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	10		Triết chuyên ngành	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
5.	Công tác xã hội	22		Công tác xã hội đại cương	Các Phương pháp công tác xã hội	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
6.	Dân tộc học	10		Triết học	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
7.	Đô thị học	19		Môi trường và phát triển	Đô thị học đại cương	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
8.	Địa lý học	8		Môi trường học cơ bản	Cơ sở địa lý nhân văn	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
9.	Giáo dục học	15		Giáo dục học	Lý thuyết học tập	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
10.	Hán Nôm	8		Hán văn (Cổ văn)	Văn học Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: vấn đáp Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
11.	Khảo cổ học	8		Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
12.	Khoa học thư viện	15		Triết học	Thông tin học đại cương	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
13.	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	20		Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính

14.	Lịch sử thế giới	8	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
15.	Lịch sử Việt Nam	15		Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
16.	Lưu trữ học	17		Công tác văn thư	Lý luận và phương pháp công tác lưu trữ	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
17.	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	37		Language Proficiency (Năng lực ngôn ngữ)	TESOL Methodology (Phương pháp dạy học tiếng Anh)	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: trắc nghiệm Môn Cơ sở: tự luận	
18.	Lý luận văn học	10		Lý luận văn học	Văn học Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
19.	Ngôn ngữ học	25		Ngôn ngữ học đại cương	Cơ sở Việt ngữ học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
20.	Ngôn ngữ Nga	5		Triết học	Tiếng Nga hiện đại	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	
21.	Ngôn ngữ Pháp	9		Dẫn luận ngôn ngữ học Pháp	Tiếng Pháp cơ sở	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: vấn đáp Môn Cơ sở: vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
22.	Nhân học	12		Triết học	Nhân học đại cương	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
23.	Quan hệ quốc tế	30		Lịch sử quan hệ quốc tế	Chính sách đối ngoại Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
24.	Quản lý giáo dục	32		Giáo dục học	Khoa học quản lý giáo dục	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
25.	Quản lý tài nguyên và môi trường	10		Môi trường học cơ bản	Cơ sở địa lý tự nhiên	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
26.	Tâm lý học lâm sàng	30		Các lý thuyết và kỹ thuật tham vấn tâm lý	Tâm lý học nhân cách	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
27.	Triết học	25		Triết chuyên ngành	Lịch sử Triết học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
28.	Văn hóa học	25		Văn hóa học đại cương	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
29.	Văn học nước ngoài	10		Lý luận văn học	Văn học nước ngoài	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
30.	Văn học Việt Nam	15		Lý luận văn học	Văn học Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
31.	Việt Nam học	25		Triết học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
32.	Xã hội học	20		Đại cương ngành Xã hội học	Phương pháp nghiên cứu Xã hội học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: vấn đáp Môn Cơ sở: vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính

* Chi tiêu theo từng ngành có thể thay đổi tùy theo số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển.

II. NGÀY THI: 22 và 23 tháng 5 năm 2021.

III. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ TUYỂN SINH: 01 tháng sau ngày thi.

IV. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 02 năm, khai giảng vào tháng 08 năm 2021.

V. CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC

- Bổ sung kiến thức dành cho ngành gần: tối thiểu 10 TC;

- Bổ sung kiến thức dành cho ngành khác thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và Nhân văn: tối thiểu 15 TC;
- Bổ sung kiến thức dành cho ngành khác không thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và Nhân văn: tối thiểu 20 TC;
- Người tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải học bổ sung kiến thức theo quy định.

* **Danh mục ngành đúng – phù hợp, ngành gần và ngành khác:** [xem tại đây](#) hoặc vào website Phòng Sau đại học/Tuyển sinh/Danh mục ngành gần, ngành khác.

* **Danh mục môn học bổ sung – chuyển đổi kiến thức:** [xem tại đây](#) hoặc vào website Phòng Sau đại học đại học/Tuyển sinh/Môn học bổ sung – chuyển đổi kiến thức.

VI. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ THI TUYỂN

1. Điều kiện xét tuyển

a) Tuyển thẳng: người tốt nghiệp trình độ đại học trong hệ thống Đại học quốc gia có ngành đúng với ngành đăng ký tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ được quy định, gồm:

- Người tốt nghiệp đại học chính quy chương trình kỹ sư với chương trình đào tạo từ 150 tín chỉ trở lên;
- Người tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);
- Người tốt nghiệp đại học chính quy là thủ khoa của ngành;
- Người tốt nghiệp đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên trong nước và ngoài nước.

b) Xét tuyển: người tốt nghiệp trình độ đại học ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển. (Đối với ngành gần cần hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển) gồm:

- Người tốt nghiệp đại học các chương trình đạt chuẩn kiểm định hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế như AUN-QA, FIBAA.

- Người tốt nghiệp đại học chính quy từ các cơ sở đào tạo đạt chuẩn kiểm định hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế như AUN-QA có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của Đại học Quốc gia;

- Người tốt nghiệp chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở một số trường đại học của Việt Nam, có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển, loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Sinh viên các ngành đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ của ĐHQG-HCM;

- Người tốt nghiệp đại học có chứng chỉ quốc tế GRE (The Graduate Record Examination) hoặc đạt kỳ thi đánh giá năng lực sau đại học của Đại học Quốc gia còn trong thời gian hiệu lực;

- Người nước ngoài.

* Thời gian tuyển thẳng và xét tuyển tối đa là 24 tháng tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển. Người đăng ký xét tuyển phải tham gia phỏng vấn trước tiểu ban chuyên môn.

2. Điều kiện thi tuyển: các đối tượng không thuộc diện tuyển thẳng và xét tuyển tại Mục 1.

* Khi nộp hồ sơ dự tuyển, người có văn bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Thông tin về đăng ký văn bằng do nước ngoài cấp xem tại đường link: <https://cnvb.wordpress.com/>

VII. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Trường ĐH KHXH&NV thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ

sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn;

d) Có giấy chứng nhận điểm ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên trong kỳ tuyển sinh sau đại học do ĐHQG-HCM tổ chức;

đ) Có chứng chỉ/chứng nhận đạt chuẩn trình độ B1 (bậc 3/6) tiếng Anh sau đại học do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM cấp;

e) Có chứng chỉ/chứng nhận đạt chuẩn trình độ B1 (bậc 3/6) của các cơ sở đào tạo được ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ tổ chức thi và cấp chứng chỉ/chứng nhận;

f) Có chứng chỉ/chứng nhận B1, B2 của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ tổ chức thi và cấp chứng chỉ/chứng nhận.

g) Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (ngoại trừ các chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài) hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định của cơ sở đào tạo. Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

h) Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của ĐHQG-HCM. Cụ thể:

1. Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)		Cambridge Exam	BEC	BULATS	VNU-EPT
			Nghe đọc	Nói Viết				
Bậc 3 (CEFR B1)	4.5	- 133 CBT - 45 iBT	450	201	Preliminary	Business Preliminary	40	176

2. Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Nga	Pháp	Đức	Trung	Nhật	Hàn
Bậc 3 (CEFR B1)	TRKI 1	- DELF B1 - TCF niveau 3	B1 ZD	HSK level 3	JLPT N4	TOPIK 3

**Lưu ý: chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự tuyển*

VIII. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10% trên tổng điểm môn ngoại ngữ và cộng 10% trên tổng điểm một môn thi (thang điểm 10).

IX. PHÁT HỒ SƠ, BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN TẬP CHUẨN BỊ THI TUYỂN

1. Phát và nhận hồ sơ dự tuyển: từ ngày 03/3/2021 đến hết ngày 23/4/2021

Thí sinh có thể tải hồ sơ thi tuyển cao học [tại đây](#), hồ sơ xét tuyển [tại đây](#) hoặc tại website Phòng Sau đại học (<http://sdh.hcmussh.edu.vn>) trong mục Tuyển sinh -> Biểu mẫu tuyển sinh.

2. Các lớp bổ sung kiến thức: dành cho thí sinh tốt nghiệp ngành gần, ngành khác (*Chỉ mở lớp khi có đủ số lượng thí sinh đăng kí. Những thí sinh thuộc diện bổ sung kiến thức nên đăng kí sớm*).

- Thời gian đăng ký : 01/02/2021 – 19/3/2021
- Thời gian học : 20/3/2021 – 20/4/2021

3. Các lớp ôn tập tổ chức từ 12/4/2021 đến 19/5/2021: Thí sinh vui lòng xem thời khoá biểu ôn tập [tại đây](#) hoặc liên hệ với Trung tâm Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐH KHXH&NV để đăng ký ôn tập:

- Địa chỉ: số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 38 232 748
- Website: trungtamdaotao.hcmussh.edu.vn

• Lưu ý:

- Thí sinh không được rút hồ sơ sau khi đã nộp;
- Thí sinh không được hoàn tiền ôn tập, bổ sung kiến thức sau khi có thông báo mở lớp.

X. LỆ PHÍ – HỌC PHÍ

1. Lệ phí hồ sơ : 50.000 đ
2. Lệ phí đăng ký : 200.000 đ
3. Lệ phí thi/xét tuyển (nộp cùng với nộp hồ sơ dự thi): 300.000 đ/môn
4. Học phí bổ sung kiến thức : 490.000 đ/01 tín chỉ.

* Mọi chi tiết xin liên hệ:

Phòng Sau Đại học, Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM.
Phòng B.107, số 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.3910.0221 - 121; Email: saudaihoc@hcmussh.edu.vn
Website: <http://sdh.hcmussh.edu.vn>

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thí sinh dự tuyển;
- Lưu: SDH, HC-TH.

(*đã ký*)

Ngô Thị Phương Lan